

Biểu mẫu 06

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND PHƯỜNG DUY TÂN
TRƯỜNG TH B CHÂU GIANG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2024-2025

	Số HS	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1		Lớp 2			Lớp 3		Lớp 4			Lớp 5					
			Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số		
						Nữ	Dân tộc	Khuyết tật				Nữ	Dân tộc	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
I. Kết quả học tập																		
1. Tiếng Việt	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Hoàn thành tốt		512	96	54	107	64			91	62	118	71			100	57	1	
Hoàn thành		320	63	31	57	19	1	1	66	22	62	23	3	1	72	19	1	1
Chưa hoàn thành																		
2. Toán	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Hoàn thành tốt		549	124	64	90	51			98	58	121	66	1		116	57	1	
Hoàn thành		283	35	21	74	32	1	1	59	26	59	28	2	1	56	19	1	1
Chưa hoàn thành																		
3. Đạo đức	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Hoàn thành tốt		620	125	74	123	71			121	76	134	77	1		117	62	1	
Hoàn thành		212	34	11	41	12	1	1	36	8	46	17	2	1	55	14	1	1
Chưa hoàn thành																		
4. Tự nhiên và Xã hội	832	480	159	85	164	83	1	1	157	84								
Hoàn thành tốt		324	110	65	116	69			98	65								
Hoàn thành		156	49	20	48	14	1	1	59	19								
Chưa hoàn thành																		
5. Khoa học	352	352									180	94	3	1	172	76	2	1
Hoàn thành tốt		253									123	73			130	63	1	
Hoàn thành		99									57	21	3	1	42	13	1	1
Chưa hoàn thành																		
6. LS&ĐL	352	352									180	94	3	1	172	76	2	1
Hoàn thành tốt		234									114	66			120	61	1	
Hoàn thành		118									66	28	3	1	52	15	1	1

Chưa hoàn thành																		
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Hoàn thành tốt		586	119	71	106	63	1		114	71	125	69	1		122	63	2	1
Hoàn thành		246	40	14	58	20		1	43	13	55	25	2	1	50	13		
Chưa hoàn thành																		
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Hoàn thành tốt		582	112	68	105	59	1		116	70	132	75	2		117	60	1	
Hoàn thành		250	47	17	59	24		1	41	14	48	19	1	1	55	16	1	1
Chưa hoàn thành																		
9. Hoạt động trải nghiệm	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Hoàn thành tốt		542	107	64	117	68			99	68	116	64	1		103	54	1	
Hoàn thành		290	52	21	47	15	1	1	58	16	64	30	2	1	69	22	1	1
Chưa hoàn thành																		
10. Giáo dục thể chất	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Hoàn thành tốt		563	100	64	105	64			111	71	130	75	3		117	60	1	
Hoàn thành		269	59	21	59	19	1	1	46	13	50	19		1	55	16	1	1
Chưa hoàn thành																		
11. TH-CN (Công nghệ)	337	509							157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Hoàn thành tốt		302							87	59	102	59			113	60	1	
Hoàn thành		207							70	25	78	35	3	1	59	16	1	1
Chưa hoàn thành																		
12. TH-CN (Tin học)	832	509							157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Hoàn thành tốt		312							94	58	105	61			113	59	1	
Hoàn thành		197							63	26	75	33	3	1	59	17	1	1
Chưa hoàn thành																		
13. Ngoại ngữ	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Hoàn thành tốt		455	91	58	93	52			80	54	102	57	1		89	49	1	
Hoàn thành		377	68	27	71	31	1	1	77	30	78	37	2	1	83	27	1	1
Chưa hoàn thành																		
14. Tiếng dân tộc	832																	
Hoàn thành tốt																		
Hoàn thành																		
Chưa hoàn thành																		
II. Năng lực cốt lõi																		
Năng lực chung																		
Tự chủ và tự học	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Tốt		624	111	66	139	78	1		127	76	140	79	2		107	54	1	

Đạt		208	48	19	25	5		1	30	8	40	15	1	1	65	22	1	1
Cần cố gắng																		
Giao tiếp và hợp tác	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Tốt		629	109	65	139	78	1		127	76	148	84	2		106	54	1	
Đạt		203	50	20	25	5		1	30	8	32	10	1	1	66	22	1	1
Cần cố gắng																		
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Tốt		627	109	65	139	78	1		127	76	145	82	2		107	54	1	
Đạt		205	50	20	25	5		1	30	8	35	12	1	1	65	22	1	1
Cần cố gắng																		
Năng lực đặc thù																		
Ngôn ngữ	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Tốt		639	127	73	133	75	1		128	76	147	86	2		104	54	1	
Đạt		193	32	12	31	8		1	29	8	33	8	1	1	68	22	1	1
Cần cố gắng																		
Tính toán	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Tốt		631	128	73	133	75	1		127	76	135	77	1		108	54	1	
Đạt		201	31	12	31	8		1	30	8	45	17	2	1	64	22	1	1
Cần cố gắng																		
Tin học	337	509							157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Tốt		382							127	76	148	82	2		107	54	1	
Đạt		127							30	8	32	12	1	1	65	22	1	1
Cần cố gắng																		
Công nghệ	337	509							157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Tốt		389							127	76	146	82	2		116	55	1	
Đạt		120							30	8	34	12	1	1	56	21	1	1
Cần cố gắng																		
Khoa học	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Tốt		637	119	69	133	75	1		127	76	150	83	2		108	54	1	
Đạt		195	40	16	31	8		1	30	8	30	11	1	1	64	22	1	1
Cần cố gắng																		
Thẩm mĩ	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Tốt		643	118	71	133	75	1		129	76	154	88	2		109	55	1	
Đạt		189	41	14	31	8		1	28	8	26	6	1	1	63	21	1	1
Cần cố gắng																		
Thể chất	832	832	159	85	164	83	1	1	157	84	180	94	3	1	172	76	2	1
Tốt		662	130	74	128	73	1		129	76	158	89	2		117	56	1	

